**CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: / 2018/NĐ-CP *Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

|  |
| --- |
| DỰ THẢO lần 2 |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định điều kiện kinh doanh đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh**

**có điều kiện trong lĩnh vực đường thủy nội địa**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi bổ sung Điều 6 và phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư  ngày 22 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định điều kiện kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực đường thủy nội địa.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa; điều kiện kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa tại Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực đường thủy nội địa.

2. Nghị định này không áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh vận tải hành khách ngang sông; hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa của lực lượng quân đội, công an làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa là hoạt động của đơn vị kinh doanh sử dụng phương tiện thủy nội địa để vận tải hành khách, hàng hóa có thu cước phí vận tải.

2.Đơn vị kinh doanh vận tải là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã tham gia kinh doanh vận tải bằng phương tiện thủy nội địa.

3. Cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện (gọi tắt là cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện) là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã thực hiện việc đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy.

4. Cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi tắt là cơ sở đào tạo) là cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạothuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

**Điều 4. Các hình thức kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa**

1. Kinh doanh vận tải hành khách.

2. Kinh doanh vận tải hàng hóa.

3. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa.

4. Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

**Chương II**

**ĐIỀU KIỆN KINH DOANH VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA, KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÓNG MỚI, SỬA CHỮA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 5. Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách**

Đơn vị kinh doanh vận tải được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tảihành khách bằng đường thủy nội địa.

**Điều 6. Điều kiện kinh doanh vận tải hàng hóa,hành khách**

Đơn vị kinh doanh vận tải được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải hàng hóa hành kháchđường thủy nội địa.

**Điều 7. Điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa**

1. Cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đăng ký ngành nghề đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa.

2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị,quy trình công nghệ và năng lực thi công phù hợp với chủng loại, kích cỡ phương tiện được sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Có nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ sở đóng mới, sửa chữa các phương tiện đóng bằng gỗ theo kinh nghiệm cổ truyền từ nhiều thế hệ nhân dân ở từng vùng và đã hoạt động an toàn được đăng kiểm công nhận (phương tiện dân gian) là các phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện chở hàng trọng tải toàn phần dưới 100 tấn; phương tiện có sức chở dưới 12 người (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công-ten-nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thuỷ nội địa) phải có tối thiểu 01 thợ lành nghề;

b) Đối với cơ sở đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện có chiều dài thiết kế dưới 20 m; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính dưới 50 sức ngựa; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa và có sức chở đến 12 người (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thuỷ nội địa) phải có tối thiểu 01 công nhân chuyên ngành đóng tàu thủy;

c) Đối với cơ sở đóng mới, sửa chữa các loại phương tiện chở khách từ 13 người đến dưới 50 người; phương tiện có động cơ với tổng công suất máy chính từ 50 sức ngựa đến dưới 135 sức ngựa; phương tiện có chiều dài thiết kế từ 20 m trở lên và có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn; các phương tiện chuyên dùng như ụ nổi, bến nổi, thiết bị thi công nổi, nhà nổi, tàu cuốc, tàu hút và các loại phương tiện khác có chiều dài thiết kế nhỏ hơn 10 m (trừ phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công ten nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí; phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn; phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài tham gia giao thông đường thuỷ nội địa), mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01 người tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành đóng tàu thủy trở lên hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành đóng tàu thủy trở lên và 01 người tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành máy tàu thủy trở lên hoặc cao đẳng nghề chuyên ngành máy tàu thủy trở lên;

d) Đối với cơ sở đóng mới, sửa chữa tất cả các loại phương tiện thủy nội địa, phải có bộ phận kỹ thuật và bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm, mỗi bộ phận phải có tối thiểu 01người tốt nghiệp đại học chuyên ngành đóng tàu thủy trở lên và 01 người tốt nghiệp đại học chuyên ngành máy tàu thủy trở lên.

**Chương III**

**ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞKINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO**

**THUYỀN VIÊN,NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Mục 1**

**CƠ SỞ KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN,**

**NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**Điều 8. Cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

Cơ sở đào tạo được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và đáp ứng các điều kiện về cơ sở đào tạo theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 9. Phân loại cơ sở đào tạo**

Cơ sở đào tạo được chia thành bốn loại, gồm:

1. Cơ sở đào tạo loại 1: được phép đào tạo, bồi dưỡng để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đến hạng nhất, chứng chỉ chuyên môn theo quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở đào tạo loại 2: được phép đào tạo, bồi dưỡng để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đến hạng nhì,chứng chỉ chuyên môn.

3. Cơ sở đào tạo loại 3: được phép đào tạo, bồi dưỡng để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn đến hạng ba, chứng chỉ chuyên môn.

4. Cơ sở đào tạo loại 4: được phép đào tạo, bồi dưỡng để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư, chứng chỉ nghiệp vụ.

**Mục 2**

**ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**Điều 10. Điều kiện về phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra**

Hệ thống phòng học chuyên môn và phòng thi, kiểm tra phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa, phòng học lý thuyết máy - điện và phòng học thủy nghiệp cơ bản. Phòng thi, kiểm tra có thể được bố trí chung với các phòng học chuyên môn.

**Điều 11. Xưởng thực hành**

Các xưởng thực hành phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành, bao gồm: xưởng thực hành nguội - cơ khí, thực hành máy - điện.

**Điều 12. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy**

Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy phải phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống phòng học chuyên môn, phòng thi, kiểm tra; xưởng thực hành; khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy của cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành. Có đủ phương tiện thực hành theo từng loại, hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn. Phương tiện thực hành phải có giấy tờ hợp pháp về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và phải treo biển "Phương tiện huấn luyện" ở vị trí dễ quan sát trong khi huấn luyện.

**Điều 13. Nội dung, chương trình đào tạo**

Nội dung, chương trìnhđào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 14. Đội ngũ giáo viên**

1. Tiêu chuẩn của đội ngũ giáo viên theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối với giáo viên dạy thực hành, ngoài tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này, còn phải bảo đảm tiêu chuẩn sau:

Giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng cao hơn ít nhất 01 hạng so với hạng giấy chứng nhận khả năng chuyên môn được phân công giảng dạy; giáo viên dạy thực hành thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phải có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và có thời gian đảm nhiệm chức danh hạng nhất từ 36 tháng trở lên.

**Mục 3**

**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

 **Điều 15. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

1. Cơ sở đào tạo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) theo quy định tại Điều 16, 17, 18 và Điều19 của Nghị định này.

2. Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở từ loại 3 trở lên trong phạm vi toàn quốc.

4. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa đối với cơ sở loại 4 trong phạm vi địa phương.

**Điều 16. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa**

Hồ sơ bao gồm:

1. 01 tờ khai của cơ sở đào tạo đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo.

3. 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của giáo viên và hợp đồng của giáo viên (hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thỉnh giảng hoặc hình thức hợp đồng phù hợp khác theo quy định của pháp luật).

4. 01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng hoặc hợp đồng thuê phòng học, xưởng thực tập, phương tiện, cầu cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa, vùng nước để dạy thực hành; giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm phương tiện còn hiệu lực phù hợp với loại, hạng và thời gian đào tạo.

**Điều 17. Trình tự cấp mới Giấy chứng nhận**

1. Cơ sở đào tạo có nhu cầu đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tạiĐiều 16của Nghị định này gửi trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền quy định tạikhoản 3, khoản 4 Điều 15của Nghị định này. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 18. Cấp lại Giấy chứng nhận**

1. Giấy chứng nhận được cấp lại khi bị mất, bị hỏng hoặc thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo.

2. Trình tự cấp lại khi Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng

Cơ sở đào tạo có văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 15của Nghị định này. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ sở đào tạo, cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo.

3. Trình tự cấp lại Giấy chứng nhận khi thay đổi địa chỉ hoặc loại cơ sở đào tạo

a) Cơ sở đào tạo nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc bằng các hình thức phù hợp khác đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định tạikhoản 3, khoản 4 Điều 15 của Nghị định này. Hồ sơ bao gồm thành phần và số lượng quy định tạiĐiều 16của Nghị định này (chỉ bổ sung những nội dung thay đổi so với lần cấp Giấy chứng nhận gần nhất). Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này.

b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản kiểm tra. Sau khi kết thúc kiểm tra, nếu đáp ứng đủ điều kiện, trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đào tạo; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

**Điều 19. Thu hồi Giấy chứng nhận**

1. Cơ sở đào tạo bị thu hồi Giấy chứng nhận khi vi phạm mộttrong các trường hợp sau:

a) Khi phát hiện có hành vi cố tình làm giả hồ sơ để được cấp Giấy chứng nhận;

b)  Không triển khai hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địatrong thời hạn 18 tháng liên tục;

c) Khi đã hết thời hạn bị đình chỉ hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa mà không khắc phục được các vi phạm là nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;

d) Bị đình chỉ hoạt động đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa 02 lần trở lên trong 12 tháng và theo các quy định khác có liên quan của pháp luật;

đ) Giấy chứng nhận được cấp không đúng thẩm quyền;

e) Giấy phép bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung trên Giấy chứng nhậnđã được cấp;

f) Cho thuê, mượn Giấy chứng nhận.

2. Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và thông báo tới các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 20. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải**

1. Thống nhất quản lý hoạt động kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực đường thủy nội địa quy định tạiNghị định này; rà soát sửa đổi, bổ sung các cơ sở đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về kinh doanh đối với các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực đường thủy nội địa theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Chỉ đạo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận định kỳ 05 năm một lần tổ chức kiểm tra cơ sở đào tạo để đánh giá tình trạng kỹ thuật của các trang thiết bị, năng lực của đội ngũ giáo viên, nội dung, chương trình đào tạo, đảm bảo công tác đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tế;

4. Cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải.

**Điều 21. Trách nhiệm của Bộ Công an**

Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Giao thông vận tải kiểm tra các hoạt động kinh doanh vận tải đường thủy nội địa và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Điều 22. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng phương tiện thủy nội địa thực hiện các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

**Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn quản lý việc sử dụng tần số vô tuyến điện, hạ tầng thông tin và các thiết bị thông tin, liên lạc khác sử dụng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh vận tải đường thủy nội địa.

**Điều 24. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn nội dung chuyên môn, nghiệp vụ trong xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải khách ngang sông hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh vận tải đường thủy nội địa theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải thủy nội địa theo quy định của Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Chỉ đạo các Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật. Định kỳ cập nhật, công bố danh sách các cơ sở kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trong phạm vi địa phương trên Cổng thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.

**Chương V**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đơn vị kinh doanh đang hoạt động kinh doanh vận tải đường thủy nội địa, các cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy nội địa trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì vẫn được tiếp tục thực hiện kinh doanh.Trong thời hạn 02 năm kể từ ngàycó hiệu lực thi hành Nghị định này các đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa, các cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện hiện hành phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Cơ sở đào tạo

a) Cơ sở đào tạo đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện hoạt động kinh doanh đến hết thời hạn của Giấy chứng nhận;

b) Trường hợp Giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa quy định tại điểm a khoản 2 Điều này hết thời hạn hoặc chưa hết thời hạn nhưng cơ sở đào tạo có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận phải tiến hành thủ tục đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận theo quy định của Nghị định này;

c) Cơ sở đào tạo đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện hoạt động kinh doanh đến hết ngày 31/12/2023. Kể từ ngày 01/01/2024, cơ sở đào tạo đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địaphải đáp ứng đầy đủ các quy định của Nghị định này.

**Điều 27. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ….. tháng ….năm 2018.

2. Thay thế Nghị định 110/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa và Nghị định số 78/2016/NĐ-CPngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa; bãi bỏĐiều 6 Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa.

**Điều 28. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;

**TM. CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

- Văn phòng Tổng Bí thư;

- Văn phòng Chủ tịch nước;

- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;

- Văn phòng Quốc hội;

- Tòa án nhân dân tối cao;

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Kiểm toán nhà nước;

- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;

- Ngân hàng chính sách xã hội;

- Ngân hàng phát triển Việt Nam;

- Ủy ban Trung ương Mặt trật Tổ quốc Việt Nam;

- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;

- Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;

- VPCP: BTCN, các PCN, trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,

các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;

- Lưu: VT, CN (3). XH 240

**PHỤ LỤC**

MẪU GIẤY TỜ SỬ DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
*(Kèm theo Nghị định số /2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mẫu số** | **Tên mẫu giấy tờ** |
| Mẫu số 01 | Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa |
| Mẫu số 02 | Biên bản kiểm tra, xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa |
| Mẫu số 03 | Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa |
| Mẫu số 04 | Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN**CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**I. GIỚI THIỆU CHUNG**

1. Tên cơ sở đào tạo:

Người đại diện pháp luật:

Địa chỉ liên lạc: .....................................................................................................

Điện thoại: ……………Fax:…………………… Email: .....................................

Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp: ........................................................................

3. Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo số…. ngày ……/……/……… của ................................

................................................................................................................................

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở đào tạo.

**II. BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO**

1. Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo đã được cấp số... ngày... của... (nếu có).

2. Phòng học chuyên môn

Tổng số phòng học hiện có, từng loại phòng, số phòng, diện tích (m2) đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có phục vụ các môn học.

3. Xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy

Hiện trạng về xưởng thực hành, khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy đáp ứng theo quy định.

Lập bảng thống kê thiết bị hiện có.

4. Nội dung, chương trình đào tạo.

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết: ......................................................................

- Số lượng giáo viên dạy thực hành: .....................................................................

6. Danh sách trích ngang đội ngũ giáo viên

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Ngày, tháng, năm sinh** | **Trình độ đào tạo** | **Hình thức tuyển dụng** | **Loại, hạng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn/thời gian đảm nhiệm chức danh** | **Ghi chú** |
| **Chuyên môn** | **Sư phạm** | **Cơ hữu** | **Thỉnh giảng** |
| 1 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 2 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3 |   |   |   |   |   |   |   |   |
| … |   |   |   |   |   |   |   |   |

7. Đánh giá chung, đề nghị:

|  |  |
| --- | --- |
|   | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO** |

**Mẫu số 02**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**KIỂM TRA, XÉT CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Căn cứ Nghị định số ……/20……/NĐ-CP ngày ……/....../20…… của Chính phủ quy định Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Xét đề nghị của ……. tại văn bản số ….. ngày ….. về việc ..............................

Hôm nay, ngày …… tháng …… năm …… tại ......................................................

Đại diện cơ quan có thẩm quyền cấp:

..................................................................................................................................................................................................................................................................

Đại diện cơ sở đào tạo:

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

Đã tiến hành kiểm tra Điều kiện của cơ sở đào tạo …….. Kết quả kiểm tra như sau:

**I. VỀ TỔ CHỨC**

Tên cơ sở đào tạo: ................................................................................................

Quyết định thành lập: ............................................................................................

Cơ quan chủ quản: ................................................................................................

Địa chỉ: ...................................................................................................................

Điện thoại:…………………. Fax:………………………… Email: ..............................**II. ĐIỀU KIỆN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

1. Phòng học chuyên môn

- Phòng học pháp luật về giao thông đường thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học Điều khiển phương tiện thủy nội địa (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học lý thuyết máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Phòng học thủy nghiệp cơ bản (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

2. Phòng thi, kiểm tra (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

3. Xưởng thực hành

- Xưởng thực hành nguội - cơ khí (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Xưởng thực hành máy - điện (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

4. Khu vực dạy thực hành lái và vận hành máy (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Vùng nước để dạy thực hành lái và vận hành máy

- Cầu tàu, báo hiệu giới hạn vùng nước, cọc bích và đệm chống va

- Phương tiện thực hành, Giấy tờ về đăng ký, đăng kiểm, các trang thiết bị hàng hải, cứu sinh, cứu hỏa...

5. Nội dung, chương trình đào tạo (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

6. Đội ngũ giáo viên (đạt; không đạt, yêu cầu bổ sung)

- Đối với giáo viên dạy lý thuyết

- Đối với giáo viên dạy thực hành.

Với kết quả kiểm tra như trên, Đoàn kiểm tra đề nghị …. (Cơ quan có thẩm quyền cấp) xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo loại …. đối với cơ sở đào tạo.

(Trường hợp chưa đủ Điều kiện xem xét, cấp Giấy chứng nhận, Đoàn kiểm tra nêu rõ lý do, biện pháp khắc phục, hướng giải quyết...).

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP** |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……….. | *………, ngày …… tháng …… năm ……* |

**TỜ KHAI**

**ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA DO BỊ MẤT, HỎNG**

Kính gửi: Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải.... (cơ quan có thẩm quyền cấp)

Tên cơ sở đào tạo (ghi bằng chữ in hoa): ..............................................................

Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa số …… ngày …… do …… (Cơ quan có thẩm quyền cấp).

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

Lý do đề nghị cấp lại: (Ghi rõ lý do bị mất hoặc bị hỏng).....................................

.................................................................................................................................

.................................................................................................................................

………………………………………. (Cơ sở đào tạo) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: …. | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO** |

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ………/20……/GCN | *………, ngày … tháng … năm 20…* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN****CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

1. Tên cơ sở: ..........................................................................................................

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .........................................................................

3. Địa chỉ: ..............................................................................................................

4. Điện thoại:………… Fax:………………………… Email: ............................

5. ……………………… (Tên cơ sở) là cơ sở đào tạo loại ..................................

Được phép:

Đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng ....................................................................................

Giấy chứng nhận cấp lại lần…… và thay thế Giấy chứng nhận số …… ngày ……tháng ……. năm …… do ……… cấp (áp dụng đối với trường hợp cấp lại do bị mất, hỏng).

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**